

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/DS-PT
Ngày: 22 – 9 – 2021
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 7 và ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1945. Địa chỉ: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1938. Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Bùi Thị M (Mười E), sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Bùi Thị Á, sinh năm 1942. Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E) và bà Bùi Thị Á: Ông Bùi Văn T (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị Á và của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn B là bà Bùi Thị D: Bà Hồ Huỳnh Tố H, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị S (Tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L), sinh năm 1948. Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Bùi Thị Sô: Bà Trịnh Hồng Như, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hùng K, sinh năm 1973 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

3. Ông Lâm Trung T, sinh năm 1978 (có mặt).

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông Bùi Văn B (đã chết năm 1969)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn B:

5.1 Bà Bùi Thị D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

6. Ông Bùi Văn T (đã chết năm 1998)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn T:

6.1. Bà Bùi Thị K

6.2. Ông Bùi Văn Q

6.3. Bà Bùi Thị Gái L

6.4. Bà Bùi Thị L

6.5. Ông Bùi Văn C

6.6. Bà Bùi Thị G

6.7. Ông Bùi Văn L

6.8. Ông Bùi Văn U

6.9. Bà Bùi Thị Đ

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (tất cả đều vắng mặt).

6.10. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1980. Xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

7. Bà Bùi Thị V (đã chết năm 1968).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị V:

7.1. Ông Võ Văn K

7.2. Ông Võ Văn Q

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (tất cả đều vắng mặt).

8. Bà Bùi Thị M (Mười N), sinh năm 1954 (có mặt).

9. Bà Bùi Thị U (Mười B), sinh năm 1957 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 (vắng mặt).

11. Ông Lâm Văn S, sinh năm 1974 (vắng mặt).

12. Bà Lâm Thị Kim L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

13. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị M (Mười E), Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á; bị đơn bà Bùi Thị S (Tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U (Mười B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Văn T và là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E) trình bày:

Cha của ông là cụ Bùi Văn S (chết năm 2001) và mẹ là cụ Nguyễn Thị P (chết năm 1991) chung sống với nhau có 11 người con, gồm: Ông Bùi Văn B (đã chết năm 1969) có vợ và 02 người con, trong đó có 01 người con chết năm 1976 (lúc chết chưa có gia đình) và bà Bùi Thị D. Ông Bùi Văn T (đã chết năm 1998) có vợ tên X (đã chết) và 09 người con, gồm: Bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U và bà Bùi Thị Đ. Ông Bùi Văn B (Liệt sỹ năm 1959), trước khi chết chưa có vợ con. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1938. Bà Bùi Thị Á, sinh năm 1942. Bà Bùi Thị (đã chết năm 1968), có 02 người con, gồm: Ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q. Ông Bùi Văn T. Bà Bùi Thị S (tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L). Bà Bùi Thị M (tên thường gọi: Mười E), sinh năm 1951. Bà Bùi Thị M (Mười N), sinh năm 1954. Bà Bùi Thị U (Mười B), sinh năm 1957. Ngoài ra, cụ S và cụ P không có người con nào khác.

Cụ S và cụ P chết không để lại di chúc. Bà Bùi Thị S (Mười L) sống chung và phụng dưỡng cụ Sanh nên khi cụ S chết đã để lại cho bà S quản lý di

sản là phần đất nền nhà, vườn tạp diện tích theo đo đạc thực tế là 1959.9m² tại một phần thửa 899, một phần thửa 900, tờ bản đồ số 09 và 03 công tầm cây đất trồng lúa, đất tọa lạc ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chồng bà S đã chết, không có con, nên các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất nền nhà, vườn tạp mà bà S đang quản lý có diện tích theo đo đạc thực tế là 1959.9m², không yêu cầu chia thừa kế 03 công tầm cây đất trồng lúa và đồng ý giao cho bà S tiếp tục quản lý, sử dụng đến khi bà S qua đời. Các nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà S với ông Lâm Trung T, bà Trần Thị T năm 2013 diện tích 355.1m², đất tọa lạc ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, để chia thừa kế theo pháp luật.

Bị đơn bà Bùi Thị S (Mười L) trình bày: Bà S thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp, quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày. Bà S xác định năm 1983 cụ S có lập di chúc để lại di sản cho bà S phần đất nền nhà và đất trồng cây lâu năm (hiện là phần đất tranh chấp), nhưng năm 1986 nhà của bà S bị cháy nên tờ di chúc không còn. Đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn thì bà S không đồng ý, vì khi còn sống cụ S và cụ P đã cho đất các con, trong đó có cho các đồng nguyên đơn. Vào năm 2005, khi chồng bà S vừa qua đời, ông Nguyễn Hùng K và vợ là bà Nguyễn Hồng N (ông K là con ruột của bà Mười E, là cháu gọi bà bà dì ruột) đến thỏa thuận chuyển nhượng của bà 01 phần đất vườn tạp để xây nhà ở với giá 01 lượng vàng 24k, thời hạn thanh toán là 03 năm, bà thấy ông K không có nhà ở, bà sống một mình nên bà đồng ý, nhưng đến nay ông K, bà N không thanh toán số vàng trên cho bà mà còn xây nhà, trồng cây trên phần đất của bà. Năm 2013, Nhà nước cho bà 30.000.000 đồng để xây nhà tình nghĩa, do không đủ tiền xây nhà nên bà đã thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Lâm Trung T và bà Trần Thị T 01 phần đất chiều ngang 8.5m, chiều dài khoảng 40m với giá 25.000.000 đồng, khi chuyển nhượng đất hai bên có làm giấy tay và nhờ Trưởng ấp T ký xác nhận. Bà đã giao đất cho ông T, bà T sử dụng và nhận đủ 25.000.000 đồng của ông T, bà T. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông T, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M (Mười N) trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Bùi Thị S (Mười L) về nguồn gốc đất tranh chấp. Khi còn sống cụ S và cụ P đã chia đất cho các con. Bà S sống chung với cụ S nên khi cụ S chết đã để lại đất nền nhà, vườn tạp và đất trồng lúa như bà S trình bày. Hiện nay bà đang thuê canh tác hàng năm 03 công tầm cây đất trồng lúa của bà S với giá 15 giá/01 công/01 năm. Khi còn sống, cụ S và cụ P cho bà 07 công tầm cây đất trồng lúa, 01 nền nhà khoảng 01 công 01 góc 4 tầm cây. Nay bà không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn. Trường hợp phải chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ S và cụ P chết để lại thì kỷ phần của bà được hưởng bà để lại cho bà S; bà thống nhất với ý kiến của ông T và các đồng nguyên đơn là giao cho bà S tiếp tục quản lý, sử dụng 03 công đất trồng lúa (không chia thừa kế), ngoài ra bà không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Trung T và bà Trần Thị T trình bày: Năm 2013, ông T và bà T nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị S

(Mười L) 01 phần đất là 01 cái ao và 01 lếp tre chiều ngang cấp lộ 8.5m, chiều ngang phía sau không có đo do tre gai mọc um tùm, chiều dài 36m, với giá 25.000.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên không có đo đạc thực tế nhưng có dùng 04 cột xi măng cắm 04 góc phần đất nhận chuyển nhượng, sau đó hai bên đo đạc xác định kích thước như đã nêu trên. Hai bên có viết giấy tay do ông T và bà S mượn ông Trần Thanh M viết và ký tên người chứng kiến, sau đó mang đến Trưởng ấp Trà H ký xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà S, ông T và T thuê xáng mức đất từ dưới sông đổ lên bờ, sau đó dùng xe rùa đẩy đất vào san lấp lếp tre để trồng rẫy như hiện nay. Chi phí san lấp khoảng 5.000.000 đồng. Phần đất nhận chuyển nhượng của bà S, ông T và bà T vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay đồng nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông, bà với bà S thì ông, bà không đồng ý, vì vợ chồng ông, bà đã giao đủ tiền cho bà S và bà S đã giao đất cho vợ chồng ông, bà sử dụng từ năm 2013 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U (Mười B) trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T, bà S (Mười L) trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp. Khi còn sống cụ P sống chung với bà cho đến khi qua đời nên khi cụ P chết đã để lại cho bà 10 công tầm cây đất trồng lúa và 1,5 công tầm cây đất nhà ở và vườn tạp, còn cụ S sống chung với bà S (Mười L) nên khi cụ S chết đã để lại cho bà S 01 nền nhà diện tích 1959.9m² và 03 công tầm cây đất trồng lúa. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất nhà ở và vườn tạp diện tích 1959.9m², không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hùng K và bà Nguyễn Hồng N thống nhất trình bày: Năm 2005, do ông K khó khăn về nhà ở nên ông đã thỏa thuận chuyển nhượng của bà Bùi Thị S (Mười L) 01 phần đất vườn tạp để làm nhà ở với giá 01 lượng vàng 24K, thời hạn thanh toán trong 03 năm, ông đã xây nhà tạm bằng cây gỗ địa phương, mái lợp tol xi măng, vách thiếc nền xi măng và trồng cây ăn trái trên phần đất nhận chuyển nhượng của bà S nhưng do ông không có khả năng thanh toán số vàng trên cho bà S nên thỏa thuận trả đất lại cho bà S nhưng bà S thấy ông là cháu ruột nên đồng ý cho ông tiếp tục ở nhờ trên phần đất trên cho đến nay. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất của bà S đang quản lý, sử dụng trong đó có phần đất nhà ông đang ở cùng với bà N. Trường hợp Tòa án chia thừa kế cho ai nhận phần đất nhà của ông đang ở thì phải trả giá trị nhà, công bồi đắp và cây trồng trên đất cho vợ chồng ông K, bà N theo kết quả định giá của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Trung T và bà Trần Thị T trình bày: Năm 2013, ông và bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị S (Mười L) 01 phần đất chiều ngang cấp lộ 8.5m, dài khoảng 40m (đo đạc thực tế chiều ngang cấp lộ nông thôn là 8.6m, chiều ngang mặt sau là 9.3m, diện tích 155.1m²) với giá 25.000.000 đồng, có viết giấy tay nhờ Trưởng ấp ký xác nhận, ông và bà T đã giao đủ tiền cho bà S và bà S đã giao đất cho vợ chồng ông sử dụng. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản với bà S, trong đó có phần đất ông nhận chuyển nhượng của bà S năm 2013 thì ông chỉ đồng ý hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà S nếu trả giá trị

đất theo giá thị trường chuyển nhượng tại địa phương và thanh toán tiền công bồi đắp đất cho vợ chồng ông bằng 5.000.000 đồng. Do Hội đồng định giá của Tòa án thành năm năm 2017 nên đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng định giá lại diện tích đất mà ông đã nhận chuyển nhượng của bà Sô (mười Lớn).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị V là ông Võ Văn K trình bày: Ông và ông Q là con ruột của bà V, trước khi bà V chết thì không được cụ S và cụ P tặng cho quyền sử dụng đất. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ S và cụ P để lại thì ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế thế vị của bà V.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn B là bà Bùi Thị D trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của đồng nguyên đơn đối với bà S và yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế của cụ P và cụ S (thế vị cho ông B), kỷ phần thừa kế của bà D được nhận bà tặng cho ông Nguyễn Hùng K. Ngoài ra, bà D không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn S trình bày: Phần đất của ông S giáp với đất của bà Bùi Thị S, giữa phần đất hai bên có ranh đất rõ ràng, nhưng không rõ lý do gì mà ông đứng tên quyền sử dụng đất phần đất của bà S, diện tích 1110.3m² tại một phần thửa 900, tờ bản đồ số 09 (tổng diện tích được cấp giấy là 4953m², trong đó có 300m² đất ở và 4653m² đất trồng cây lâu năm). Nay ông S đồng ý điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích nêu trên cho bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày: Phần đất của ông K giáp với đất của bà Bùi Thị S, giữa phần đất hai bên có ranh đất rõ ràng, nhưng không rõ lý do gì mà ông đứng tên quyền sử dụng đất phần đất của bà S, diện tích 849.6m² tại một phần thửa 899, tờ bản đồ số 09 (tổng diện tích được cấp giấy là 42105m², trong đó có 300m² đất ở và 1805m² đất trồng cây lâu năm). Nay ông S đồng ý điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích nêu trên cho bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày tại Công văn số 1313/UBND-NC ngày 17/9/2018: Phần đất tranh chấp thừa kế giữa ông Bùi Văn T với bà Bùi Thị S (Mười L) thuộc một phần thửa 899 và một phần thửa 900 tờ bản đồ số 09 ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tại phần đất tranh chấp nêu trên, trên bản đồ giải thửa thành lập năm 1997 có sai sót, không tồn tại thửa đất của gia đình bà S (Mười L) đang sử dụng mặc dù gia đình bà S đã sử dụng nhiều năm và thời điểm đo đạc không có tranh chấp ranh giới đất với các chủ lân cận. Thửa 899 tờ bản đồ số 09 trên Sổ mục kê xã C ghi tên Trần Thị T, diện tích 2775m² gồm 300m² đất ở và 2475m² đất trồng cây lâu năm, sau đó để thừa kế cho ông Nguyễn Văn K, diện tích đã điều chỉnh là 2105m² gồm 300m² đất ở và 1805m² đất trồng cây lâu năm. Thửa 900 tờ bản đồ số 09 Sổ mục kê xã C ghi tên Lâm Kim K, ghi chú chuyển quyền cho Lâm Văn S, diện tích 4953m² gồm 300m² đất ở và 4653m² đất trồng cây lâu năm.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E) đối với bà Bùi Thị S (tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L) tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật đối với di sản thừa kế do cụ Bùi Văn S và cụ Nguyễn Thị P để lại diện tích đất 1959.9m² tại một phần thửa 889 và một phần thửa 900 tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao cho bà Bùi Thị S (tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L) tiếp tục quản lý, sử dụng di sản do cụ Sanh và cụ P để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1662.4m² tại một phần thửa 889 và một phần thửa 900 tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ nông thôn có số đo 12.70m, 7m, 18.60m, 8.60m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 11.30, 07m, 18.20m, 9.2m.

Hướng Đông Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 39.3m.

Hướng Tây Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K có số đo 44.20m.

3. Buộc bà Sô thanh toán giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế cho ông T, bà Á, bà N, bà M (Mười E), bà M (Mười N), bà U (Mười B), bà D (nhận thừa kế thế vị của ông B), ông K và ông Q (nhận thừa kế thế vị của bà V), (bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ nhận thừa kế thế vị của ông T), mỗi người trong hành thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ P (09 người), mỗi người là 68.596.500 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Trong đó, ông K, ông Q là người thừa kế thế vị của bà V được nhận số tiền 34.298.250 đồng; bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ là thừa kế thế vị của ông T, mỗi người được nhận số tiền 7.621.833 đồng.

4. Giao cho ông Nguyễn Hùng K, bà Nguyễn Hồng N diện tích đất theo đo đạc thực tế là 297.5m² tại một phần thửa 899 tờ bản đồ số 09 (do ông Nguyễn Văn Khởi đứng tên quyền sử dụng đất), đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ nông thôn có số đo 7m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 7m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của bà Bùi Thị S (phần đất thứ III trong bản vẽ) có số đo 42.2m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà S (phần đất thứ I trong bản vẽ) có số đo 44.3m.

5. Buộc ông Nguyễn Hùng K, bà Nguyễn Hồng N thanh toán cho bà S giá trị diện tích đất 297.5m² bằng 104.125.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/4/2013 giữa bà Bùi Thị S (Mười L) với ông Lâm Trung T và bà Trần Thị T diện tích 355.1m², đất tọa lạc ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là hợp đồng vô hiệu.

7. Buộc ông T, bà T có nghĩa vụ thu hoạch hoa màu đang trồng trên đất trong thời hạn 03 (ba) tháng để trả lại cho bà S diện tích đất 355.1m² tại một phần thửa 900 tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ nông thôn có số đo 8.6m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 9.2m.

Hướng Đông Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 39.3m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà S (phần đất thứ III trong bản vẽ) có số đo 40.3m.

8. Buộc bà S thanh toán cho ông T, bà T số tiền 85.988.100 đồng (tám mươi lăm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn một trăm đồng). Bà S được quyền sở hữu 26 cây Mai vàng loại B trồng thẳng xuống đất, 12 cây ổi loại B, 03 cây Xoài loại C, 01 cây Sa Bô loại C.

9. Ông Lâm Văn S, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị S, ông Nguyễn Hùng K, bà Nguyễn Hồng N có quyền, nghĩa vụ liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng đất đang sử dụng và các phần đất được nêu tại mục 2, 4, 7 phần Quyết định này.

(Trích đo hiện trạng đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời của bản án).

10. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lâm Văn S, ông Nguyễn Văn K phần diện tích đất mà ông K và ông S đứng tên nhằm sang phần đất của bà S được nêu tại mục [15] của bản án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/3/2021, nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U (Mười B) kháng cáo cùng nội dung không đồng ý nhận giá trị, yêu cầu được nhận phần đất.

Ngày 15/03/2021, bị đơn bà Bùi Thị S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc chia thừa kế phần đất diện tích 1959.9m², đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc

Liêu; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Lâm Trung T diện tích đất 355.1m² và chấp nhận yêu cầu của bà buộc ông Nguyễn Hùng K và bà Nguyễn Hồng N trả lại cho bà phần đất mà ông K, bà N đang ở trên phần diện tích đất của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị S và bà Bùi Thị U (Mười B) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn trình bày: Các đương sự thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ chết để lại, năm 1983 ông S có di chúc để lại tài sản cho bà S, năm 1987 nhà cháy nên di chúc bị cháy và ông S không làm lại di chúc cho bà S, do đó ông S không còn di chúc để lại tài sản cho bà S nữa. Đối với phần đất tranh chấp chia 10 kỷ phần bằng hiện vật vẫn đảm bảo quyền sử dụng, các nguyên đơn yêu cầu nhận đất là để bảo quản tài sản của cha mẹ chết để lại, hiện nay bà S khó khăn không có tiền để hoàn trả cho các đồng thừa kế và tại Tờ tường trình của bà Mười E, bà Mười B, bà N ngày 08/7/2021 xác nhận nếu không chia bằng hiện vật bằng 10 kỷ phần được thì bà Mười E, bà Mười B, bà N đồng ý giao kỷ phần của mình được hưởng để lại cho ông T để đảm bảo cho ông T được nhận hiện vật là đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng như phân tích nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ của các đồng nguyên đơn và bị đơn chết để lại, tài sản tranh chấp bà S được cha để lại di chúc vào năm 1983, năm 1987 cháy nhà nên cháy di chúc, do bà S không hiểu biết nên không làm lại di chúc nhưng bà S có làm đơn xác nhận di chúc, có Trưởng ấp và xã xác nhận, nên có căn cứ tài sản tranh chấp bà S được cha để lại di chúc vào năm 1983. Đối với ông Nguyễn Hùng K thì bà S yêu cầu ông K di dời nhà và trả đất lại cho bà S do phần đất ông K đang ở là do bà S cho ở nhờ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn do bà S đã được di chúc để lại tài sản tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bà Mười B, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, ghi nhận ý chí tự nguyện của bà Mười N giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà S, ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế đồng ý cho bà S chuyển nhượng phần đất ngang 4.3m cho ông T và ông T cũng đồng ý chỉ nhận phần đất ngang 4.3m và ghi nhận ý chí tự nguyện của bà D giao kỷ

phần của mình cho ông K; sửa một phần Bản án số: 55/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đồng nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị Á, của bị đơn bà Bùi Thị S và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U (Mười B) trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Bùi Văn S chết năm 2001 và cụ Nguyễn Thị P chết năm 1991, cụ S và cụ P chết không để lại di chúc. Ngày 30/6/2017, các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ S và cụ P chết để lại theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 623 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ P: Các đương sự thống nhất xác định cụ S và cụ P chung sống với nhau có tất cả 11 người con chung gồm: Ông Bùi Văn B (đã chết năm 1969) có vợ và 02 người con, trong đó có 01 người con chết năm 1976 (lúc chết chưa có gia đình) và bà Bùi Thị D. Ông Bùi Văn T (đã chết năm 1998) có vợ tên X (đã chết) và 09 người con, gồm: Bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U và bà Bùi Thị Đ. Ông Bùi Văn B (Liệt sỹ năm 1959), trước khi chết chưa có vợ con. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1938. Bà Bùi Thị Á, sinh năm 1942. Bà Bùi Thị (đã chết năm 1968), có 02 người con, gồm: Ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q. Ông Bùi Văn T. Bà Bùi Thị S (tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L). Bà Bùi Thị M (tên thường gọi: Mười E), sinh năm 1951. Bà Bùi Thị M (Mười N), sinh năm 1954. Bà Bùi Thị U (Mười B), sinh năm 1957. Ngoài ra, cụ S và cụ P không có người con nào khác.

[4] Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định khi còn sống cụ S và cụ P tạo lập được khối di sản gồm: Phần đất nền nhà và trồng cây lâu năm diện tích theo đo đạc thực tế là 1959.9m² thuộc một phần thửa 889 và một phần thửa 900, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Di sản thừa kế hiện nay do bà S đang quản lý, nhưng ông Nguyễn Văn K đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 849.6m² tại một phần thửa 899, tờ bản đồ số 09 và ông Lâm Văn S đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 1110.3m² tại một phần thửa 900, tờ bản đồ số 09. Hiện trạng trên phần đất có 01 căn nhà tình nghĩa của bà S xây dựng năm 2012, diện tích 56m² và ông Nguyễn Hùng K đang sử dụng diện tích đất 297.5m², trên đất có xây dựng 01 căn nhà tạm năm 2005, diện tích xây dựng 78.62m², một số công trình phụ và một số cây trồng trên đất.

[5] Bà S xác định năm 1983 cụ S có lập di chúc để lại di sản thừa kế (phần đất đang tranh chấp) cho bà, năm 1986 nhà bà bị cháy nên tờ di chúc không còn. Tuy nhiên, bà S không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà, các hàng thừa kế còn lại xác định cha mẹ chết không để lại di chúc; nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ S và cụ P chết không để lại di chúc và chia di sản thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế của cụ S và cụ P là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lâm Trung T xác định đối với phần đất bà S chuyển nhượng cho ông qua đo đạc thực tế diện tích 355.1m^2 thì ông chỉ yêu cầu được nhận diện tích đất chuyển nhượng chiều ngang 4,3m, chiều dài hết đất, diện tích đất còn lại ông đồng ý cho bà S và đồng ý trả lại để chia thừa kế, ông không yêu cầu bà S hoàn lại tiền chuyển nhượng đất cũng như giá trị các cây trồng trên đất cho ông như Tòa án cấp sơ thẩm tuyên do các cây trồng trên đất không nằm trên diện tích đất ông trả lại cho bà S. Ông T là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E) và bà Bùi Thị M (Mười N) đồng ý cho bà Bùi Thị S diện tích đất chiều ngang 4.3m, chiều dài hết đất (qua đo đạc thực tế diện tích 169.6m^2) để chuyển nhượng cho ông Lâm Trung T, không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, di sản còn lại để chia thừa kế là diện tích đất 1790.3m^2 . Theo Biên bản định giá tài sản ngày 01/3/2021 thì giá trị di sản là: $1790.3\text{m}^2 \times 350.000 \text{ đồng/m}^2 = 626.605.000 \text{ đồng}$, được chia đều cho 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần bằng 179.03m^2 (tương đương 62.660.500 đồng).

[7] Ông T hiện nay không có đất xây nhà ở, phải ở nhờ trên phần đất của người khác và có yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất là có căn cứ; trong khi đó hiện nay bà S rất khó khăn, không có khả năng hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế, sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn và bà Bùi Thị U (Mười B) yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật đối với phần đất tranh chấp thứ III cộng với một phần của phần đất tranh chấp thứ IV, có tổng diện tích là 940.7m^2 , được chia thành 05 phần bằng hiện vật, cụ thể: Ông Bùi Văn T được nhận diện tích đất 192.7m^2 (tương đương số tiền 67.445.000 đồng), bà Bùi Thị N được nhận diện tích đất 190.4m^2 (tương đương số tiền 66.640.000 đồng), bà Bùi Thị M (Mười E) được nhận diện tích đất 188.1m^2 (tương đương số tiền 65.835.000 đồng), bà Bùi Thị Á được nhận diện tích đất 185.9m^2 (tương đương số tiền 65.065.000 đồng) và bà Bùi Thị U (Mười B) được nhận diện tích đất 183.6m^2 (tương đương số tiền 64.260.000 đồng). Tuy nhiên, như phân tích tại mục [6] mỗi kỷ phần thừa kế bằng 179.03m^2 (tương đương 62.660.500 đồng), do đó ông T, bà N, bà Mười E, bà Á, bà Mười B phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác, cụ thể: Ông T hoàn lại 4.784.500 đồng, bà N hoàn lại 3.979.500 đồng, bà Mười E hoàn lại 3.174.500 đồng, bà Á hoàn lại 2.404.500 đồng và bà Mười B hoàn lại 1.599.500 đồng.

[8] Đối với diện tích đất tranh chấp 552.1m^2 hiện nay do bà S đang quản lý, sử dụng, trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa của bà S, ngoài phần đất này thì bà S không còn phần đất nào khác để ở, Tòa án cấp sơ thẩm chia phần đất này cho bà S tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp, giá trị quyền sử dụng đất bà S được chia là $(552.1\text{m}^2 \times 350.000 \text{ đồng}) = 193.235.000 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị M (Mười N) đồng ý tặng cho kỷ phần của bà được hưởng thừa kế cho bà S, đây là ý chí tự nguyện của bà Mười N, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bà S được nhận 02 kỷ phần thừa kế tổng giá trị bằng 125.321.000 đồng, bà S còn phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác số tiền $(193.235.000 \text{ đồng} - 125.321.000 \text{ đồng}) = 67.914.000 \text{ đồng}$.

[9] Đối với diện tích đất tranh chấp 297.5m^2 hiện nay do ông Nguyễn Hùng K, bà Nguyễn Hồng N đang quản lý, sử dụng, trên đất có 01 căn nhà của ông K, bà N, phần đất này bà S và ông K thống nhất xác định bà S cho vợ chồng ông K mượn để cất nhà ở, Tòa án cấp sơ thẩm giao phần đất này cho ông K, bà N tiếp tục quản lý, sử dụng và hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế là phù hợp. Tuy nhiên, bà Bùi Thị D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn B đồng ý giao kỷ phần của bà D được hưởng cho ông K, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận là không phù hợp, cần ghi nhận sự tự nguyện của bà D đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng số tiền 62.660.500 đồng cho ông K để đối trừ vào nghĩa vụ của ông K, bà N phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế, cụ thể: Giá trị diện tích đất $(297.5\text{m}^2 \times 350.000 \text{ đồng}) = 104.125.000 \text{ đồng}$, sau khi đối trừ thì ông K, bà N còn phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế số tiền 41.464.500 đồng.

[10] Theo đó, bà Bùi Thị S, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị U (Mười B) và ông Nguyễn Hùng K, bà Nguyễn Hồng N mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn T gồm bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M (mỗi người được nhận 6.266.050 đồng) và hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị V gồm ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q (mỗi người được nhận 31.330.250 đồng) số tiền như phân tích nêu trên.

[11] Ông Lâm Văn S, ông Nguyễn Văn K thừa nhận đứng tên nhằm thừa đất của bà S và đồng ý sang tên quyền sử dụng đất trả lại diện tích đất cho bà S đứng tên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên ông S, ông Nguyễn Văn K, bà S, ông Nguyễn Hùng K, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị Á và bà Bùi Thị U (Mười B) có nghĩa vụ liên hệ Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng đất đang sử dụng. Đồng thời, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện V điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn K và ông Lâm Văn S đối với diện tích đất đứng tên nhằm qua di sản thừa kế.

[12] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị Á; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U (Mười B) và ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M và bà Bùi Thị Á và của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn B là bà Bùi Thị D; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị S và ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Bùi Thị S; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[13] Do sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên, nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được tính lại theo quy định của pháp luật. Ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị U (Mười B) là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị U (Mười B) không phải chịu. Bị đơn bà Bùi Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 127, 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 648, 677, 678, 679, 680, 681 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 100, 203 Luật đất đai; điểm a, c tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị Á và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U (Mười B); không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị

đơn bà Bùi Thị S. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E) đối với bà Bùi Thị S (tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L) tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật đối với di sản thừa kế do cụ Bùi Văn S và cụ Nguyễn Thị P để lại diện tích đất 1790.3 m² thuộc một phần thửa 889 và một phần thửa 900, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

1.1. Chia cho bà Bùi Thị S (tên gọi khác: Bùi Thị M, tên thường gọi: Mười L) diện tích đất 552.1m², thuộc thửa 143, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 12.70m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 11.30.

Hướng Đông Nam giáp phần II do ông Nguyễn Hùng K đang quản lý, sử dụng có số đo 42.30m.

Hướng Tây Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K có số đo 44.20m.

1.2. Chia cho ông Bùi Văn T diện tích đất 192.7m² thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4.58m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 4.62m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của bà Bùi Thị N được chia có số đo 41.71m.

Hướng Tây Bắc giáp phần II do ông Nguyễn Hùng K đang quản lý, sử dụng có số đo 42.20m.

1.3. Chia cho bà Bùi Thị N diện tích đất 190.4m² thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4.58m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 4.62m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của bà Bùi Thị M (Mười E) được chia có số đo 41.22m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của ông Bùi Văn T được chia có số đo 41.71m.

1.4. Chia cho bà Bùi Thị M (Mười E) diện tích đất 188.1m² thuộc thửa 147, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4.58m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 4.62m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của bà Bùi Thị Á được chia có số đo 40.74m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà Bùi Thị N được chia có số đo 41.22m.

1.5. Chia cho bà Bùi Thị Á diện tích đất 185.9m² thuộc thửa 148, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4.58m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 4.62m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của bà Bùi Thị U (Mười B) được chia có số đo 40.25m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà Bùi Thị M (Mười E) được chia có số đo 40.74m.

1.6. Chia cho bà Bùi Thị U (Mười B) diện tích đất 183.6m² thuộc thửa 149, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4.58m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 4.62m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của ông Lâm Trung T đang quản lý, sử dụng có số đo 39.76m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà Bùi Thị Á được chia có số đo 40.25m.

1.7. Chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn T gồm bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M ký phần thừa kế số tiền 62.660.500 đồng, mỗi người được nhận số tiền 6.266.050 đồng.

1.8. Chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị V gồm ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q ký phần thừa kế số tiền 62.660.500 đồng, mỗi người được nhận số tiền 31.330.250 đồng.

1.9. Ghi nhận sự tự nguyện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn B là bà Bùi Thị D đồng ý tặng cho ông Nguyễn Hùng K ký phần thừa kế được hưởng số tiền 62.660.500 đồng.

Ông Nguyễn Hùng K được nhận ký phần thừa kế tặng cho từ bà Bùi Thị D số tiền 62.576.500 đồng.

Giao cho ông Nguyễn Hùng K và bà Nguyễn Hồng N tiếp tục, quản lý sử dụng diện tích đất 297.5m² thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 07m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 07m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của ông Bùi Văn T được chia, có số đo 42.20m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà S (phần đất thứ I trong bản vẽ) có số đo 42.30m.

1.10. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị M (Mười N) đồng ý tặng cho bà Bùi Thị S ký phần thừa kế được hưởng số tiền 62.660.500 đồng.

Bà Bùi Thị S được nhận ký phần thừa kế tặng cho từ bà Bùi Thị M (Mười N) số tiền 62.660.500 đồng.

1.11. Buộc ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị U (Mười B), bà Bùi Thị S và ông Nguyễn Hùng K, bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn T gồm bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M và hoàn lại giá trị chênh lệch cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị V gồm ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q với tổng giá trị 125.321.000 đồng, cụ thể: Ông Bùi Văn T hoàn lại 4.784.500 đồng, bà Bùi Thị N hoàn lại 3.979.500 đồng, bà Bùi Thị M (Mười E) hoàn lại 3.174.500 đồng, bà Bùi Thị Á hoàn lại 2.404.500 đồng, bà Bùi Thị U (Mười B) hoàn lại 1.599.500 đồng, bà Bùi Thị S hoàn lại 67.914.000 đồng; ông Nguyễn Hùng K và bà Nguyễn Hồng N cùng hoàn lại 41.646.500 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị S với ông Lâm Trung T, bà Trần Thị T.

Ông Lâm Trung T và bà Trần Thị T được quyền tiếp tục, quản lý sử dụng diện tích đất qua đo đạc thực tế 169.6m² thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông Bắc giáp lộ bê tông có số đo 4,3m.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Lâm Văn S có số đo 4,3m.

Hướng Đông Nam giáp phần đất của ông Lâm Văn S có số đo 39.30m.

Hướng Tây Bắc giáp phần đất của bà Bùi Thị U (Mười B) được chia có số đo 39.76m.

Buộc ông Lâm Trung T và bà Trần Thị T giao trả cho bà Bùi Thị Á và bà Bùi Thị U (Mười B) diện tích đất 185.5m² thuộc một phần thửa 148 và thửa 149,

tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại á tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (bà Bùi Thị Á và bà Bùi Thị U (Mười B) nhận theo diện tích đất được chia).

3. Ông Lâm Văn S, ông Nguyễn Văn K, bà Bùi Thị S, ông Nguyễn Hùng K, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị Á và bà Bùi Thị U (Mười B) có nghĩa vụ liên hệ Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với hiện trạng đất đang sử dụng và hiện trạng đất được chia thừa kế được nêu tại mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 1.6 của phần Quyết định này.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với diện tích đất đứng tên nhầm qua phần đất di sản thừa kế của cụ Bùi Văn Sanh và cụ Nguyễn Thị Phan cho ông Nguyễn Văn Khởi diện tích 849.6m², một phần thửa 899, tờ bản đồ số 09 và ông Lâm Văn S sử dụng diện tích 1110.3m², một phần thửa 900, tờ bản đồ số 09, cùng tọa lạc tại ấp Trà Hắt, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.201.100 đồng: Buộc ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị U (Mười B), ông Nguyễn Hùng K mỗi người phải chịu 520.110 đồng. Bà Bùi Thị S phải chịu 1.040.220 đồng. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị V gồm ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q mỗi người phải chịu 260.055 đồng. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn T gồm bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M mỗi người phải chịu 52.011 đồng.

Ông Bùi Văn T đã nộp 4.701.000 đồng và ông Lâm Trung T đã nộp 500.000 đồng, đã chi hết.

Buộc bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị U (Mười B), ông Nguyễn Hùng K mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Bùi Văn T số tiền 470.100 đồng; bà Bùi Thị S có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Bùi Văn T số tiền 940.200 đồng; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị V gồm ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Bùi Văn T số tiền 235.050 đồng; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn T gồm bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Bùi Văn T số tiền 47.010 đồng.

Buộc Buộc ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị U (Mười B), ông Nguyễn Hùng K mỗi người phải có

nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lâm Trung T số tiền 50.000 đồng; bà Bùi Thị S có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lâm Trung T số tiền 100.000 đồng; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị V gồm ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lâm Trung T số tiền 25.000 đồng; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn T gồm bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị , ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lâm Trung T số tiền 5.000 đồng.

7. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị U (Mười B), ông Nguyễn Hùng K mỗi người phải chịu 3.133.025 đồng. Bà Bùi Thị S phải chịu 6.266.050 đồng. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị V gồm ông Võ Văn K và ông Võ Văn Q mỗi người phải chịu 1.566.512 đồng. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn T gồm bà Bùi Thị K, ông Bùi Văn Q, bà Bùi Thị Gái L, bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị G, ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn U, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M mỗi người phải chịu 313.302 đồng.

Ông Nguyễn Hùng K và bà Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị Á, bà Bùi Thị M (Mười E), bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị U (Mười B) là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Văn T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.880.000 đồng theo Biên lai số 00004354 ngày 10/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị Á và bà Bùi Thị U (Mười B) không phải chịu. Bị đơn bà Bùi Thị S được miễn nộp toàn bộ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu, Tổ HCTP.

Trương Thanh Dũng